TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56/2019/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 10 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, về "*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

* Ông **Phạm Văn B** - Sinh năm: 1974

Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

* Bà **Trần Thị L** - Sinh năm: 1977

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2001 và được Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01 ngày 03/7/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng, yêu thương, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, sống với nhau không có hạnh phúc. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, khả năng hàn gắn không còn nên ông B và bà L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình trạng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L có 02 con chung là các cháu Phạm Thị N - sinh ngày 20/9/2000, Phạm Văn M - sinh ngày 05/6/2003. Cháu Phạm Thị N đã đủ 18 tuổi, ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L thỏa thuận: Ông Phạm Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Văn M. Bà Trần Thị L không cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận trên của ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức của xã hội nên Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về lệ phí Ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L nộp lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn, nuôi con chung theo quy định của pháp luật;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung và tài sản chung, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L.

- Về con chung: Cháu Phạm Thị N đã đủ 18 tuổi, ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Ông Phạm Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Văn M - sinh ngày 05/6/2003. Bà Trần Thị L không cấp dưỡng nuôi con.

* Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Bà Trần Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Phạm Văn B và bà Trần Thị L mỗi người nộp 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000388 ngày 03/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C; như vậy, ông Phạm Văn B và bà Trần Thị L đã nộp đủ tiền lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. C;
- CC THADS Tp. C;
- UBND phường B
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Luẩn